

# LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

## QUYỂN 12

### KINH DỊCH Ở NHÀ ĐẠI TÙY

Sách ghi chép về nhà Đại Tùỳ rằng: Hoàng đế ta nhận lệnh trời Tứ thiên để hộ trì Tam bảo, tiếp nối năm đời trấn giữ chín châu. Do đó từ ngày mới sinh ra một đả có ánh sáng lạ rực rỡ đầy nhà, từ ngày lên ngôi trở đi các điềm linh ứng tranh nhau xuất hiện. Do đó mà trời ứng điềm mai rùa có chữ, nước chiếu ngời năm sắc, đất phun suối nước ngọt, núi vang tiếng muôn đời. Mây lành mưa cam lộ, đá tự biến thành ngọc sáng. Người điếc bỗng nghe được, kẻ mù bỗng thấy được, người câm thì nói được, kẻ què lại đi được. Cầm thú đều hiện rõ các điềm lành, cây cỏ lộ ra việc lạ lùng khó tả. Đâu chỉ có bảy báu riêng hiện rõ. Kim luân, há chỉ bốn mùa hòa thành đuốc ngọc. Ấy chính là trong Kim Quang Minh Kinh ở phẩm Chánh Luận có nói: Do tạo nghiệp lành nên được sinh làm người, làm vua thống lãnh cả nước non nên gọi là Nhân vương. Ở trong thai được chư Thiên bảo hộ, hoặc trước được bảo hộ rồi mới nhập thai. Cõi trời thứ ba mươi ba mỗi vị đem phước đức của mình ban cho vua này. Vì có trời bảo hộ cho nên gọi là Thiên tử. Năm Xích Nhã lúc Huỳnh Ốc ngự trị thì chế độ thuộc hành thủy nên hưng phế hư nát. Còn Phật nhật là lửa có gỗ (mộc) nên vận niên càng sáng, do đó mà lấy niên hiệu là Khai Hoàng. Có thể bảo rằng đuốc pháp đã tắt mà lại sáng, đó là hết bỉ thì trở lại thái vậy.

Mùa Đông năm ấy có Sa-môn Trí Châu mang Phạm kinh từ Tây Vực trở về được hai trăm sáu mươi bộ đã đến lúc vua bèn sắc chỉ cho Phó Ty tìm người phiên dịch. Đến tiết trọng xuân năm Khai Hoàng thứ hai thì mới họp nhau phiên dịch. Lý Hạ chiếu nói rằng: Nhà Ân năm lần đời đô sợ dân chết hết ấy là người lấy cát làm hung, khiến mạng sống dài thành ngắn. Mưu việc mới mà bỏ cũ, như nông dân trồng đời mùa thu, núi sông có dáng Long đầu càng đẹp đẽ. Nơi nào đồi cỏ thấm tưới thì tạo dựng đô ấp, khiến cơ đồ xả tắc được bền lâu, sự nghiệp vô cùng

là tại đây vậy. Nhân đó mà thành thì gọi là Đại hưng thành, điện thì gọi là Hưng điện, Cửa thì gọi là Đại hưng môn, huyện thì gọi là Đại hưng huyện, vườn thì gọi là Đại hưng viên, chùa thì gọi là Đại hưng thiện tự. Việc từ hóa của Tam bảo từ đấy được đại hưng, phong cách nhân ái của vạn quốc nhân đây càng mở rộng. Già-lam mọc lên san sát trang hoàng đẹp lẫm tưởng là miếu Thành hoàng, tràng phan bảo cái bay cao càng khiến trang nghiêm cõi nước. Pháp đường Phật điện sánh tợ Thiên cung, Chấn Đán Thần Châu so đồng Tịnh độ, Sa-môn đông vầy rền tập lục độ để huân tâm, kẻ tín sĩ lớp lớp tu thập thiện làm hạnh nghiệp, bốn bề sóng lặng, chín cõi yên bình. Cho nên đất đức đã hiển bày, trời lành càng sáng tỏ. Hươu trắng đã xuất hiện thì Kỳ lân sẽ nối gót theo sau. Quạ xanh đã liệng bay thì Phụng hoàng múa tất gần kề. Do đó mà hàng giàu sang lắm của tranh nhau mua vườn Kỳ-đà, nhóm quan quyền chứ tước lại cùng đua chen ngày đất A-dục Phù Đồ (tháp Phật) nhân đây mà phát triển, bảo sát (chùa Phật) xuất hiện nào khác sao giảng. Tăng Ni hiện có gần hai mươi vạn. Chùa tháp tính ra hơn bốn ngàn. Phạm các vị dịch kinh đạo, tục ngoại quốc nối nhau xuất hiện, cùng với kẻ tục, người tu ở phương này gồm tất cả có mười chín vị. Còn số được dịch ra văn mới văn cũ gồm Luận, Truyện, Pháp, Giới thì có đến bảy mươi lăm bộ, bốn trăm sáu mươi hai quyển. Tổng kết lại thành Hoàng Tỳ Đại Hưng Lục Mục, để làm khuôn phép vĩnh viễn truyền lại đời sau lâu xa cùng trình bày phép tắc ấy sáng mãi không dứt. Mong các bậc Triết nhân tương lai nối gót tu hành, ngõ hầu có được thật nhiều thần công của Tam bảo, ở khắp cõi Ta-bà mà mở mang hoàng truyền giáo pháp của ngàn Phật, trải suốt Hiền kiếp vô cùng!

### **A. Các dịch giả:**

#### **\* Về đời Đại Tỳ:**

- Dương Xuyên Quận Thú Đàm Pháp Trí, dịch một bộ, một quyển kinh.
- Sa-môn Tỳ-ni-đa Lưu-chi, dịch hai bộ, hai quyển kinh.
- Sa-môn Na-liên-đề-da-xá dịch tám bộ, hai mươi tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Tự dịch một bộ, sáu mươi quyển kinh.
- Sa-môn Xà-na-quật-đa dịch ba mươi một bộ, một trăm sáu mươi lăm quyển kinh.
- Sa-môn Thích Pháp Thượng, dịch ba bộ, bốn mươi ba quyển kinh và lục.

- Sa-môn Thích Linh Dũ, dịch tám bộ, ba mươi quyển luận, ký.
- Sa-môn Thích Tín Hạnh, dịch hai bộ, ba mươi lăm quyển, ba giai ký.
- Sa-môn Thích Pháp Kinh, dịch một bộ, bảy quyển lục mục.
- Sa-môn Thích Bảo Quý, dịch một bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Thích Tăng Sán, dịch một bộ, một quyển luận.
- Sa-môn Thích Tăng Côn, dịch một bộ, ba quyển tạp ký.
- Sa-môn Thích Ngạn Tông, dịch sáu bộ, chín quyển luận, truyện, lục.
- Sa-môn Thích Huệ Ảnh, dịch bốn bộ, hai mươi bảy quyển trí độ giải và luận.
- Quảng Châu Tư Mã Quách Nghị, dịch một bộ, hai quyển.
- Nho Lâm Lang Hầu Quân Tố, có một bộ, mười quyển truyện.
- Tấn Vương Phủ Tế Tửu Từ Đồng Khanh, có một bộ, hai quyển luận.
- Phiên Kinh Học Sĩ Lưu Phùng, có một bộ, một quyển Nội Số Thuật.
- Sắc Hữu Ty Soạn một bộ, mười quyển Chúng Kinh Pháp Thức.

### **B. Các dịch phẩm:**

#### **\* Về đời Đại Tùy gồm có:**

- Nghiệp Báo sai Biệt Kinh, một quyển (Dịch lần hai ngày tháng ba năm Khai Hoàng thứ hai. So với bộ Tội Nghiệp Báo Ứng Kinh thì giống nhiều khác ít).

Một bộ một quyển trên, ngày đời Nguyên Ngụy, do con cả của Bà-la-môn Ưu-bà-tắc Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi là Đạt-ma Bát-nhã (Tùy dịch là Pháp Trí) thuộc dòng giỏi truyền nhau phiên dịch. Cuối đời Cao Tề thì làm Chiêu Huyền Đô. Từ khi Tề bị dẹp yên thì đồng thời Phật pháp cũng bị dẹp bỏ. Ngài Pháp Trí đang làm Tăng ngôi cũng đổi sang làm quan thế tục. Vua sai dạy học ở Dương châu, Dương Xuyên Quận Thú nhà Đại Tùy được nhường chức thì kinh Phạm liền đến, Phật nhật lai được trùng hưng sáng tỏ, nên rõ phong hóa quốc gia thâm ứng. Vua liền giáng sắc mời ngài Pháp Trí trở lại dịch kinh ngài, liền đến ở Đại Hưng Thiện mà phiên dịch. Pháp Trí rất giỏi cả hai thứ tiếng Tùy Phạm, cầm bản tự dịch không nhọc công người truyền dịch, Sa-môn Thành Đô Thích Trí Huyền ở chùa đại hưng thiện bút thọ, văn từ giải thích nghĩa lý rõ ràng. Sa-môn Triệu Quận Thích Ngạn Tông ở chùa nhật nghiêm viết tựa.

- Tượng Đầu Tinh Xá Kinh, một quyển (dịch lần hai tháng hai

năm Khai Hoàng thứ hai. So với Bộ Già-da Sơn Đảnh Kinh thì bản đồng mà khác tên).

- Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì Kinh, một quyển (dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ hai).

Cả hai bộ gồm hai quyển trên do Tam tạng Pháp sư Tỳ-đà-lưu-chi (Tùy dịch là Diệt Hỷ) người nước Ô Trường thuộc Bắc Thiên Trúc, nghe vua ta đã phục hưng Tam bảo nên không ngại xa xôi hơn năm trăm do-diên chống tích trượng tuần du đến xem thấy việc hoàng hóa hưng thịnh bèn ở lại. Được vua mời ngày dịch kinh, ngài liền ở Đại hưng thiện Quan Cấp Sự có Lý Đạo Bảo và con kế của Bát-nhã Lưu-chi là Đàm-bì, cả hai người cùng truyền dịch., Sa-môn Trường an Thích Pháp Toản ở Đại hưng thiện bút thọ thành văn Tùy, cùng chỉnh lý so sánh văn nghĩa. Sa-môn Ngạn Tống viết lời tựa.

- Đại Phương Đẳng Nhật Tạng Kinh, mười lăm quyển (Khởi dịch từ tháng năm năm Khai Hoàng thứ tư đến tháng hai năm Khai Hoàng thứ năm mới ngày. Sa-môn Trí Huyền, Đạo Thúy, huệ Hiến vâng lệnh triều đình mời Dữu Chất Học sĩ Phí Trường Phòng bút thọ, văn nghĩa rút từ Đại Tập).

- Lực Trang Nghiêm Tam-muội Kinh, ba quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ năm. Phí Trường Phòng bút thọ).

- Đại Trang Nghiêm Pháp Môn Kinh, hai quyển (dịch tháng một năm Khai Hoàng thứ ba, Sa-môn Trí Huyền bút thọ. So với các bộ Văn-thù-sư-lợi Thân Lực Kinh, Thắng Kim Sắc Quang Minh Đức Nữ Kinh, Đại Tịnh Pháp Môn Kinh thì bản dịch đồng mà tên khác).

- Đức Hộ Trưởng Giả Kinh, hai quyển (dịch tháng sáu năm Khai Hoàng thứ ba. Sa-môn huệ Côn Bút thọ. Một tên là Thi-lợi-quật-đa Trưởng Giả Kinh. So với các Bộ Thân Nhật Đâu Bản Kinh, Nguyệt Quang Đồng Tử Kinh thì bản đồng mà khác tên).

- Liên Hoa Diệu Kinh, hai quyển (dịch ngày tháng ba năm Khai Hoàng thứ tư).

- Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh, hai quyển (dịch tháng một năm Khai Hoàng thứ năm, chính là phẩm thứ một trăm của Đại Vân Kinh).

- Lao Cố Nữ Kinh, một quyển (dịch tháng mười hai năm Khai Hoàng thứ hai).

- Bách Phật Danh Kinh, một quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ hai. Cả bốn kinh sáu quyển trên đều do Sa-môn Tần Hiến bút thọ.

Cả tám bộ gồm hai mươi tám quyển trên do Tam tạng Pháp sư

thuộc Cao Tề Chiêu Huyền Thống Na-liên-đề-da-xá (Tùy dịch là Tôn Xứng) người nước Ô Trường, thuộc Bắc Thiên Trúc. Ngài Da-xá xuất gia từ bé, năm côi Thiên Trúc thì đi khắp bốn, trải qua hơn sáu mươi nước lớn nhỏ. Và nhất là các thắng tích của Đức Thích-ca thì không nơi nào bước đến. Đi tận cùng biển Nam rồi trở lại Bắc Thiên Trúc. Lại đến Nhự Nhự gặp lúc nước ấy bị phá, nhân đó liền ngày Nghiệp Đô thì gặp vua Văn Tuyên. Lúc đó ngài mới bốn mươi tuổi. Ngài Da-xá có xương cốt to lớn, hình thù kỳ dị. Do đó, Văn Tuyên đã đãi ngộ rất trọng hậu. Lúc đó cũng dịch kinh được ghi đầy đủ trong Tề Thế Lục. Sau, nước Tề bị Chu diệt, nhưng vẫn ở bến Khế Chương. Đến năm Khai Hoàng thứ nhất thì kinh mới vừa đến nơi. Vua liền ra lệnh theo mời. Ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ hai truyền đưa đến kinh đô. Vua thấy nhọc nhằn nên ân cần tiếp đãi, sắc lệnh cho ở yên tại Đại hưng thiện tự, cung cấp theo bậc Thượng cấp, vì pháp nên phải quý trọng người. Năm ấy ngày tháng quý Đông liền bắt tay phiên dịch. Sa-môn Tăng Sáu, Minh Phân, Cấp Sự Lý Đạo Bảo, Học sĩ Đàm Bi... Tăng Lục gồm có bốn vị nhanh chóng chuyển ngữ. Các Đại Đức ở Kinh Thành như Chiêu Huyền Thống, Sa-môn là Đàm Diên, Chiêu Huyền Đô, chủ chùa Đại hưng thiện là Sa-môn Linh Tạng... hơn hai mươi vị danh đức Tăng, thay nhau coi sóc trước sau, đến tháng mười năm Khai Hoàng thứ năm khám xét hiệu đính ngày xuôi. Lúc đó ngài Da-xá đã hơn chín mươi tuổi viên tịch ngày năm Khai Hoàng thứ chín, có ghi trong Biệt Truyện. Những Kinh sách của ngài dịch đều do Sa-môn Ngạn Đông viết tựa cả.

- Tân Hợp Đại Tập Kinh, sáu mươi quyển.

Một bộ sáu mươi quyển trên, do Sa-môn Thích Tăng Hựu, năm Khai Hoàng thứ sáu tập hợp mới. Tăng Hựu ở chùa chiêu đề xuất gia từ thuở nhỏ chuyên học về Bảo Phướng Học. Căn cứ đúng bản kinh Đại Tập hợp tiếng Phạm này côm có mười vạn bài kệ, nếu dịch hết thì có thể lên đến ba trăm quyển. Nay thấy ngài Quật-đa dịch Kinh thường bảo rằng: cách hơn hai ngàn dặm về phía Đông nam nước Vu Điền có nước Giá-câu-ca. Vua nước này rất thuần tín, kính trọng Đại thừa. Danh Tăng các nước khi đến nước ấy đều phải được khải thí. Nếu người học Tiểu thừa thì không cho ở, còn ai chuyên Đại thừa thì mới ở lại để cúng dường. Ở trong cung vua có ba bộ kinh lớn là Ma-ha Bát-nhã, Đại Tập, Hoa Nghiêm và mười vạn bài kệ. Vua đích thân thọ trì, và giữ chìa khóa khi đọc tụng mới mở ra rồi hương hoa cúng dường. Lại trong đạo tràng các thứ trang hoàng đều dùng các báu vật quý hiếm, lại treo các thứ hoa lạ trái nghịch mùa. Thường khuyên bảo các Tiểu vương nên ngày lễ

bái. Họ lại khoe rằng: Ở về phía Đông nam nước ấy hơn hai mươi dặm, có núi rất hiểm trở. Trong đó để các bộ kinh như Đại Tập, Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợi-phất Đà-la-ni, Hoa Tụ Đà-la-ni, Bồ-tát La Tạng, Ma-ha Bát-nhã, tám bộ Bát-nhã Đại Vân Kinh... gồm mười hai bộ đều có mười vạn bài kệ. Phép nước truyền nhau giữ gìn coi ngó. Lại bảo ở núi ấy có ba vị Diệt Định A-la-hán đang ngồi thiền trong hang vắng. Cứ mỗi nửa tháng hoặc một tháng có các Tăng lên núi để cạo râu tóc cho quý vị ấy. Thần lực có thực như thế thật rất đáng tin! Râu tóc cạo rồi lại mọc mà người ngồi nhập diệt định vẫn bất động. Phước Địa khó nghĩ bàn nhờ cái báu này duy trì mà có được các vua sáng suốt nối gót Thánh hiền hoằng hóa các vua. Nay viết lại để lưu truyền. Trong hàng vua chúa cai trị nghe biết việc lành còn kể lại. Nên nay chép rõ. Song nay cách Phật dần xa, thức phàm phu mờ tối, không thể nhớ hiểu hết nên tùy từng phần mà viết tóm tắt. Đến nỗi ngày nay bản tiếng Phạm thiếu sót hoặc quá ngắn gọn. Nên gặp bản tóm gọn thì dịch tóm gọn, gặp bản rộng dài thì dịch rộng dài. Do đó các bậc Tiên triết như Chi-đàm và La-thập đã dịch ra hoặc hai mươi bảy quyển, hoặc ba mươi quyển hay ba mươi một quyển không chừng, đến khi tuyên dương thì luôn than thở. Đến như ngài Da-xá đời Cao Tề dịch Nguyệt Tạng Kinh mười hai quyển, đến nay là năm Khai Hoàng thì ngài Da-xá dịch Nhật Tạng Kinh mười lăm quyển, đều rút từ Cựu Phẩm của Đại Tập Bản rộng, nên lòng rất vui mừng, liền dựa ngày đó mà họp thành sáu mươi cuốn, chỉ e việc ghép ngày chưa được khéo léo. Ví như ở Đại hưng thiện có Sa-môn Hồng Khánh, kiến thức sâu xa theo lệnh hoàng hậu kiểm xét sao chép ra, các Kinh ở hai tạng được sửa đúng đắn, kết hợp lại thì tên kinh rất chỉnh đốn. Nay lại thấy dịch ra, trong đó còn có phần Đại tập. Nếu tóm tắt hết thì cũng hơn cả trăm quyển, mà so với bản tiếng Phạm thì chỉ có một phần ba thôi. Vả như đất đá này tan ra thành bụi nhỏ vì không có sức liên kết nhau lại, rồi các bụi ấy họp thành gò đất có công năng sinh sản và che chở muôn loài. Cành lá lìa rừng mà mong được sum xuê dòng nước, bỏ suối nguồn mà cầu ướm đầm... có thể được sao? Vua ta sinh ra một thật đúng thiên thời, hợp địa lý. Cả chín châu ngăn cách hơn ba trăm năm nay lại họp, mười vạn bài kệ chia ra khắp ngàn chùa. Kinh tan rồi lại họp, họp thành văn của Đại tập sáng trưng. Đất chia cắt rồi lại chung hiển, chung bày nước Đại Hưng thịnh. Nếu không phải là bậc nắm giữ Kim Luân hoằng truyền Phương Đẳng chính là vua chúa trước nay mở mang Phật pháp thì còn ai ngày đấy nữa?

- Phật Bốn Hạnh Tập Kinh, sáu mươi quyển (khởi dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ bảy đến tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười hai mới ngày. Sa-môn Tăng-đàm, Học sĩ Phí Trường Phòng, Lưu Bằng... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Pháp Cự Đà-la-ni Kinh, hai mươi quyển (khởi dịch ngày tháng bốn năm Khai Hoàng thứ mười ba đến tháng sáu năm Khai Hoàng thứ mười sáu mới ngày. Sa-môn Đạo Thúy... bút thọ).

- Oai Đức Đà-la-ni Kinh, hai mươi quyển (Khởi dịch ngày tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười lăm đến tháng mười hai năm Khai hoàng mười sáu mới ngày. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ).

- Chư Phật Hộ Niệm Kinh, mười quyển (Khởi dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười bốn đến tháng mười hai thì ngày. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ).

- Ngũ Thiên Ngũ Bách Phật Danh Kinh, tám quyển (Khởi dịch tháng tám năm Khai Hoàng thứ mười ba, đến tháng chín năm khai hoàng mười bốn thì ngày. Sa-môn Tăng-đàm... bút thọ).

- Hiền Hộ Bồ-tát Kinh, sáu quyển (Khởi dịch tháng mười hai năm Khai Hoàng thứ mười bốn đến tháng hai năm mười lăm mới ngày. Sa-môn Minh Phân... bút thọ).

- Hiền Thiện Trụ Thiên Tử Sở Vấn Kinh, bốn quyển (dịch tháng bốn năm Khai Hoàng thứ mười lăm. Sa-môn Đạo Mật... bút thọ).

- Quán Sát Chư Pháp Hành Kinh, bốn quyển (Khởi dịch ngày hai mươi bốn tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười lăm đến ngày hai mươi lăm tháng năm năm ấy thì ngày. Học Sĩ Phí Trường Phòng bút thọ).

- Tứ Đồng Tử Kinh, ba quyển (dịch từ tháng năm đến tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười ba thì ngày. Sa-môn Tăng Côn bút thọ).

- Chư Pháp Bốn Vô Kinh, ba quyển (dịch khám sáu năm Khai Hoàng thứ mười lăm, đến, tháng bảy ngày. Học sĩ Lưu Bằng... bút thọ).

- Hư Không Dựng Bồ-tát Kinh, hai quyển (dịch tháng tư năm Khai Hoàng thứ bảy, đến, tháng ba ngày. Sa-môn Tăng-đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Nguyệt Thượng Nữ Kinh, ba quyển (dịch tháng tư năm Khai Hoàng thứ mười một, , đến tháng sáu xong. Học sĩ Lưu Phùng bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thiện Tư Đồng Tử Kinh, hai quyển (dịch tháng bảy Khai Hoàng thứ mười một, đến, tháng chín ngày. Học Sĩ Phí Trường Phòng bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Di Thức Kinh, hai quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười một, tháng

mười dịch tháng mười hai ngày. Học sĩ Phí Trường Phòng bút thọ).

- Thí Dụ Vương Kinh, hai quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười lăm, đến ngày tháng sáu. Sa-môn Đạo Thúy... bút thọ).

- Phát Giác Tịnh Tâm Kinh, hai quyển (dịch tháng mười năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch tháng chín ngày tháng mười. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ).

- Nhất Hưởng Xuất Sinh Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch tháng 1 năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch đến tháng mười hai. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Đại Oai Đăng Tiên Nhân Vấn Nghi Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Đạo Thúy bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Văn-thù-thi-lợi Hạnh Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Bát Phật Danh Hiệu Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ 6, dịch tháng năm ngày tháng 6. Sa-môn Đạo Thúy bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Hy Hữu Giáo Lương Công Đức Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng sáu ngày tháng ấy. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thiện Cung Kính Sư Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ sáu, dịch tháng bảy ngày tháng tám. Sa-môn Tăng Đàm bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Như Lai Phương Tiện Thiện Xảo Chú Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng một ngày tháng hai. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Tâm Chú, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng bốn ngày tháng năm. Sa-môn Tăng Đàm... bút thọ. Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Thập Nhị Phật Danh Thần Chú Trì Chướng Diệt Tội Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng năm ngày tháng ấy. Sa-môn Tăng Côn bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Kim Cang Trường Đà-ni Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ bảy, dịch tháng sáu tháng tám ngày. Sa-môn Tăng Côn... bút thọ, Sa-môn Ngạn Tông viết tựa).

- Chư Pháp Tối Thượng Vương Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười lăm dịch tháng năm ngày tháng bảy. Sa-môn Minh



Thân... bút thọ).

- Nhập Pháp Giới Kinh, một quyển (Năm Khai Hoàng thứ mười lăm, dịch tháng bảy ngày tháng tám. Sa-môn Đạo Mật... bút thọ).

- Thương Chủ Thiên Tử Vấn Kinh, một quyển (dịch tháng tám năm Khai Hoàng thứ mười lăm, ngày tháng chín. Học Sĩ Phí Trường Phòng... bút thọ).

- Xuất Sinh Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch tháng chín năm Khai Hoàng thứ mười lăm, và ngày trong tháng ấy. Học Sĩ Lưu Phùng bút thọ).

- Kim Quang Minh Kinh Chúc Lụy Phẩm, Ngâm Chủ Phẩm hợp thành một quyển (Đời Lương ngài Đàm-vô-sám dịch bốn quyển; đời Lương ngài Chân Đế dịch sáu quyển; đời Chu ngài Chúc-đa dịch năm quyển đều không có hai phẩm này. Cho nên đời sau dịch thêm).

Cả ba mươi mốt bộ gồm một trăm sáu mươi lăm quyển, do Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa (Tùy dịch là Chí Đức, lại gọi là Phật Đức) người nước Kiền-đạt thuộc Bắc Thiên Trúc dịch vào ngày đời Chu Minh Đế, đầu năm Võ Thành, ngài cùng bạn đồng học là Da-xá Quật-đa theo quyết sư chủ tam tạng Thiên sư Xà-na-da-xá từ nước Ma-già-đà, mang kinh đem ngày. Thầy trò và bạn học cùng luyện tập tiếng địa phương hơn hai mươi năm. Ngài Quật-đa giỏi nhất. Đồng thời châu kinh đô và đi qua đất Thục, đến đâu cũng đều tuyên dịch kinh mới, hoặc viết tiếp những đoạn thiếu trước, văn nghĩa rất đầy đủ. Lúc đó gặp phải Ma-nạn bị oai vua bức bách, ngày năm Kiến Đức thứ ba gặp phải lúc vua dẹp bỏ hai đạo (Nho, Phật), mùa hạ cả bảy chúng đều mặc một thứ áo thế tục. Thầy trò Quật-đa cũng bị dẫn dụ ép bức, đã không khế hợp thì quên mình mà đi du phương, không nề gian khổ lấy việc hoằng hóa làm nghiệp vụ, nay gặp lúc pháp bị hủy diệt nên trái với bản tâm. Bèn lấy cớ rằng mình là người Phạm không thể mặc y phục theo lối người Hoa được. Quyết giữ khí tiết bền chắc xin được trở về bản quốc. Vua bèn chấp nhận lấy lễ mà thả cho đi. Nước Chi-na-ta chính thật là cõi nước Diêm-phù vậy. Chỉ vì các giống rợ xa xôi hình thù y phục khác nhau mà có đến hay đi chỗ nào không thích thì há cảm được họ.

Chẳng qua vì mộ việc hóa độ mà đến, đến thì phải dung nạp. Nghĩ về quê hương thì muốn đi, đi thì không trái. Bèn nhắm về hướng Bắc mà đi tắt đến nước Đột Quyết (Thổ Nhĩ Kỳ). Giữa đường gặp mặt vua Thổ là Tha-bát-khả-hản. Được vua ân cần mời ở lại, nhân đó mà trở lại. Vua bảo: “Nhà Chu có lúc thành lúc hoại, khiến Sư phải nhọc công đi và về, nơi đây không có việc phế hưng, mong ngài an tâm mà ở”. Nhà

vua cung phụng cúng dường khiến muôn bề vừa ý. Bảy giờ ở lại đó hơn mười năm. Cả thầy và bạn đồng học đều viên tịch trước cả, chỉ mình Quật-đa vẫn còn.

Lúc đó ở Tương Châu có Sa-môn Bảo Tiêm (và có Đạo Thúc, Trí Châu, Tăng Oai, Pháp Bảo, Tăng Đàm, Trí Chiêu, Tăng Luật... gồm mười một vị vào) đời nhà TỀ, năm Võ Bình thứ sáu, nối nhau Tây du, đi và về cả bảy năm thỉnh được Phạm kinh gồm hai trăm sáu mươi bộ. Khi trở về đến nước Đột Quyết nghe Chu đã diệt TỀ, hủy diệt Phật pháp, trở lại không được mà tiến tở không ngày. Trong một thời gian nán lại bỗng gặp được ngài Chí Đức (Quật-đa), thật là như khát được cho uống, tối gặp được sáng. Bèn cùng nhau xem lại các kinh mới đã thỉnh được, mời ngài dịch tên cùng xem xét mục lục cũ, vì đã từng biết phương tiện khéo léo nên có khác với người xưa. Nhóm Bảo Tiêm ai nấy đều lòng thành mừng là may mắn như cửa báu gặp được thợ khéo, thật không uống chuyển đi, nên cùng đốt hương đồng thể họp nhau tuyên dịch. Nhà Đại Tỳ từ khi được nhường ngôi thì Phật pháp liền hưng thịnh. Nhóm Bảo Tiêm đem Kinh thỉnh được chở về, cuối Đông năm Khai Hoàng thứ nhất thì tới nơi.

Vua bèn sắc chỉ cho Phó Ty tìm người phiên dịch. Năm Khai Hoàng thứ tư, Quật-đa mới thực sự ngày nước Trung Quốc châu chùa Hưng thiện lo việc tuyên dịch. Năm Khai Hoàng thứ năm, vua sắc chỉ cho Quật-đa phải cùng với Sa-môn Bà-la-môn Nhã-na-yết-đa, Khai Phủ Cao Cung Cung Túc, Đô Đốc Thiên Nô, Hòa Nhân và Bà-la-môn Tỳ-xá-đạt... cả Đạo Tục gồm sáu người. châu Nội sử nội tỉnh mà dịch sách cổ tiếng Phạm và Càn Văn... Lúc đó ở Quảng tế chỉ có một mình Da-xá dịch kinh. Đến năm Khai Hoàng thứ bảy thì vua ra riêng lệnh cho Quật-đa cùng Da-xá dịch kinh, nên ngài phải lui tới hai nơi. Đến năm Khai Hoàng thứ mười hai thì phiên dịch kinh sách ngày hết gồm được hơn hai trăm quyển, đem dâng hết lên vua.

Bảy giờ ngài Da-xá đã viên tịch trước rồi, nhưng vua vẫn sắc lệnh cho ngài Quật-đa làm chủ việc dịch kinh, đời Pháp Tịch đến chùa Đại hưng thiện. Lại mời Sa-môn Bà-la-môn Đạt-ma-cấp-đa và khiến hai anh em Cao Thiện Nô, Cao Hòa Nhân đồng dịch. Lại tăng thêm mười vị Đại Đức Sa-môn như Tăng Hưu, Pháp Sán, Pháp Kinh, Huệ Tạng, Hồng Tuân, Huệ Viễn, Pháp Toản, Tăng Huy, Minh Mục, Đàm Thiên... coi sóc đầu đuôi, xác định ngôn từ thống nhất quy chỉ. Trong đó có mười bốn bộ Bản Hạnh Tập Kinh bảy mươi sáu quyển là kinh ở chỗ khác mà mười một năm trước ngài Quật-đa đã tự dịch lấy, tất cả đều do

Sa-môn Ngạn Tông viết tựa. Có mười bảy bộ Pháp Cự Kinh... với tám mươi chín quyển thì được dịch ra trong suốt mười hai năm khi ngài châu thiên đường chùa Đại hưng thiện, có Sa-môn Cấp-đa và anh em Cao Thiên Nô... trợ giúp. Sa-môn Minh Mục, Sa-môn Ngạn Tông lại đem bản tiếng Phạm ra để so sánh, xem xét kỹ lại mấy lần và sửa chữa văn nghĩa. Ngoài ra còn có chín mươi bộ khác thấy trong “Tục Phiên Ngật Tỳ Phụ Lục”.

Ngưỡng mong Đức Như Lai từ kim khẩu một lần nói ra mà nhiều loại khác nhau ai nấy đều được hiểu rõ. Ví như mặt trời, mặt trăng cùng rực rỡ trên khoảng trời xanh. Các ngài Ca-diếp A-nan đích thân nối nhau kết tập Phạm âm và phân bố khắp nơi (chép trên da và lá bối). Như đuốc sáng giữa đêm đen. Sau đời Hậu Hán đến nay thì quốc tục đã đổi khác, việc tuyên dịch phải lệ thuộc ngày văn ngôn, khác nào đèn đom đóm soi sáng nhà tối mong đá lửa kể tục mặt trời nhờ ảnh mà truyền ánh sáng, pháp lưu phải do tân dịch để thấm nhuần nối tiếp mãi không mất. Việc khảo luận chân ngụy gốc ngọn đâu có thể cùng một năm mà so sánh thấy rõ được ư?

- Tăng Nhất Số, bốn mươi quyển (tóm tắt hết thủy pháp số của các kinh luận, từ một đến mười, từ mười đến trăm cho đến ngàn vạn, giống như chỉ số cây rừng).

- Phật Tánh Luận, hai quyển.

- Chúng Kinh Lục, một quyển.

Cả ba bộ gồm bốn mươi ba quyển trên, do Sa-môn Thích Pháp Thượng ở Tiền định tại Tương châu soạn ra. Ngài là bậc Núi Giới cao tột, biển huệ thẳm sâu. Đức làm khuôn phép cho người, oai khiến cho mọi vật nghiêm túc. Cho nên đời Ngụy Tề, ngài đã từng làm thống đô lãnh đạo hơn hai trăm vạn Tăng Ni làm giếng mối gần bốn mươi năm. Đúng ngày thời Văn Tuyên rộng truyền kinh Phật, thì ngài Pháp Thượng đều đảm trách biên tập hài hòa mở rộng trong ngoài đạo tục đều đủ. Nếu không nhờ có ngài làm trụ đá thì ai chống đỡ được? Hạnh sáng phô bày ảnh hưởng xa khắp. Đến nỗi, Đại thừa tướng nước Cú Lệ (Cao Ly) là Vương Cao Đức hết sức tin tưởng sùng kính Đại thừa, muốn dùng Phật pháp để truyền bá khắp dân chúng. Nhưng không hiểu rõ về nguồn gốc trước sau của giáo pháp từ Tây Vực truyền sang Đông Độ ngày niên đại đời vua nào, nên từ nước ấy đem các sách ghi chép sự việc, sai Sư Nghĩa Uyên đi thuyền buồm sang tận đất Nghiệp để học hỏi với ngài Pháp Thượng về các điều chưa nghe thấy. Sự việc được tóm tắt rằng: Đức Phật Thích-ca từ khi nhập Niết-bàn đến nay đã bao

nhieu năm giáo pháp, lại ở Thiên Trúc trải mấy năm mới đến đất Hán này, khi mới đến thì ngày đời vua nào, niên hiệu gì. Còn đời Tề và đời Trần thì đời nào có Phật pháp trước. Từ đó đến nay đã trải mấy năm, mấy đời vua xin ghi chú đầy đủ. Về các luận Thập Địa, Trí Độ, Địa Trì, Kim Cang, Bát-nhã... thì do ai soạn ra, khi viết luận Duyên Khởi thì có điền lành gì, có ghi chép chăng? Xin ghi chép cẩn thận, hỏi han đầy đủ, để giải nghi.

Ngài Pháp Thượng đáp rằng: Đức Phật sinh ra một ngày năm Giáp dần đời Cơ Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. nhằm năm Quý Mùi đời Mục Vương thứ hai mươi bốn. Mục Vương nghe Tây Vực có Hóa nhân xuất hiện, liền sang Tây Vực cuối cùng không thấy trở về. Theo đây mà nghiệm thì Đức Phật truyền đạo suốt bốn mươi chín năm rồi diệt độ. Đến nay là năm Bính Thân, đời nhà Tề, niên hiệu Võ Bình thứ bảy đã được một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm năm. Đến nhà Hậu Hán, đời Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ mười thì kinh pháp được du nhập lần đầu tiên. Đời Ngụy Tấn truyền mãi đến nay. Năm Xích Ô đời Tôn Quyền, ngài Khang Tăng Hội đến đất Ngô để hoằng hóa giáo pháp. Địa trì là do Tỳ-kheo A-tăng-khư được ngài Di-lặc Bồ-tát truyền cho. Bản kinh ấy đến đời Tấn ngày năm Long An đời An Đế, ngài Đàm-ma-sấm ở Cô Tạng dịch ra theo yêu cầu của Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tổn. Còn Ma-ha-diễn Luận (Trí Độ Luận) là của ngài Long Thọ Bồ-tát viết ra. Đời Tấn, năm Long An, ngài Cưu-ma-thập-bà dịch ra theo yêu cầu của Diêu Hưng. Về Thập Địa Luận và Kim Cang Bát-nhã Luận là do em ngài Tăng-khư là Bà-tẩu-bàn-đậu viết. Đến đời Tuyên Võ Đế nhà Hậu Ngụy thì ngài Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi mới phiên dịch. Ngài Pháp Thượng chỉ cho duyên do xác thực rất rộng. Nay chỉ tóm lược mà nêu ra các chỗ thiết yếu để chỉ rõ sự dị đồng. Ngài Pháp Thượng ăn mặc sơ sài chỉ một bình bát với ba áo ca-sa. Ngoài ra không tích chứa. Ngài cho rằng thọ những thứ cúng dường chỉ cảm về thế lợi mà thôi. Ngài có dựng một ngôi chùa trên núi gọi là Hợp Thủy, trên chót núi có xây Đâu-suất đường. Ngài thường nguyện vãng sinh được diện kiến Đức Di-lặc. Ngài luôn tứ sự cúng dường khoảng một trăm năm mươi vị Tăng. Khi Tề bị diệt thì pháp bị ngưng trệ nhưng chùa trên núi vẫn không bị phá bỏ. Ngài lánh mình ở giữa thế tục vẫn tiếp tục việc tu hành, thường mong rằng ngày lúc tuổi già sẽ thấy Tam bảo lại được phục hưng. Vẫn cứ một mực đánh lễ Đấng Từ Thị Như Lai, hạnh nghiệp đã tinh chuyên thì lòng thành được cảm thấu, tâm ngài như nước lã trong vào năm

Khai Hoàng bậc chí tôn lên ngôi và Phật nhật lại sẽ chiếu sáng rực rỡ. Quả nhiên ngài được toại nguyện. Lúc ngài bệnh liền mặc áo ca-sa, bảo đệ tử đẩy xe lên tận chùa trên đỉnh núi, ngài chấp tay lạy Phật Di-lặc ba lạy, đi nhiều bên hữu ba vòng, rồi xuống núi trở về, an nhiên thị tịch. Năm đó ngài hơn chín mươi tuổi.

- An Dân Luận, mười hai quyển.
- Đào Thần Luận, mười quyển.
- Nhân Quả Luận, hai quyển.
- Thánh Tích Ký, hai quyển.
- Tháp Tự Ký, một quyển.
- Kinh Pháp Đông Lưu Ký, một quyển.
- Thập Đức Ký, một quyển.
- Tăng Ni Chế, một quyển.

Cả tám bộ gồm ba mươi quyển trên, do Sa-môn Thích Linh Dũ, ở Đại từ tại Tương châu soạn ra. Ngài Linh Dũ là đệ tử của Pháp sư Đạo Phùng. Ngài là bậc Đạo đức mô phạm, giữ giới rất nghiêm, huệ giải sáng sâu, kiến văn rộng lớn, giỏi cả nội ngoại điển, làm thầy hàng Đạo Tục, tánh thích hoằng hóa và trước thuật. Có thể gọi là bậc Sa-môn Trí Đức vẹn toàn Đốc các Luận như An Dân, Đào Thần, Nhân Quả của ngài thì thấy ý nói thông suốt về pháp bảo Vô Thượng, nhưng pháp vô cùng quý báu mà làm cho sáng rõ thật khó bốn phận giữ gìn ở thời mạt pháp là hàng Thích Tử, còn việc kiến lập ở thời tượng pháp thì đã nhờ các bậc vua chúa. Do đó mà ruồi ở đuôi ngựa ký có thể vượt được ngàn dặm, dây leo trên cây tàng có thể vươn cao muôn tầm. Phải nhờ Thắng duyên mới thỏa được chí cả. Vả lại Kinh đô là Đại, Sư Tăng là chúng, chỗ Đại chúng tụ họp nên gọi là Kinh Sư. Hưởng chi nay thì chín châu đã đồng, sáu nước cùng thống nhất, Chúa trên cao rừ thương khắp muôn dân không cần động tay mà nhà nước yên trị, đó là cái yếu dụng cho thiên hạ. Lại cần cái tài cho thiên hạ, nên mời Phật dạy Tăng, tìm Nho dạy Tục, giao chánh sự cho các sĩ phu, tìm khéo léo ở hàng thợ giỏi, gái dệt trai cày, ai nấy đều chuyên lo phận sự, đó là sự nghiệp của muôn dân. Hữu Ty đã lo toan đầy đủ đâu đó đều sẵn sàng. Về việc trì giới, thiền tư, giảng nói Kinh luận, đọc tụng và ra làm pháp sự thì ngài là bậc mô phạm cho năm chúng vậy. Vì sách vở chưa ghi đủ nên phải sưu tầm rộng rãi. Năm Khai Hoàng thứ mười, vua ban lệnh cho các Sở Bộ tìm ngài Pháp Dũ ngày kinh bệ kiến. Vua ân cần thăm hỏi. Ngài bèn vịn vẫy rộng mà rải khắp mây pháp để mọi người đều nhuần thấm, nương cánh Phượng mà dương cao gió huệ cho muôn dân đều được yên

vui. Chưa được bao lâu thì ngài Pháp Dũ nhiều phen tạ từ xin rút lui. Ngài cho là vì chưa quen thủy thổ thường bị nhiều bệnh. Đến mùa xuân năm Khai Hoàng thứ mười một vua cho ngài trở về đất Nghiệp. Trưởng Phòng tôi xin thưa rằng: Nếu hay quên mình thì mới có thể cứu Đời, nay chỉ lo lấy thân tất quên lợi ích lớn, lục thân xóm làng còn chưa thể quên, thì nơi ba cõi theo lý ắt khó thoát.

- Đối Căn Khởi Hành Tập Lục, ba mươi hai quyển.

- Tam Giai Vị Biệt Tập Lục, ba quyển.

Cả hai bộ gồm ba mươi lăm quyển trên do Sa-môn Thích Tín Hạnh ở Chân tịch soạn ra. Ngài Tín Hạnh người thuộc Ngụy Châu. Xuất gia từ thuở bé nhưng đã thông hiểu các kinh, kiến thức độc đáo, ý chí cao xa, có giải hạnh khác với các bậc Tiên Đức không chấp nhận cho Thanh văn gồm tu hạnh Bồ-tát. Ngài bèn xả hai trăm năm mươi giới, chỉ giữ bậc trên Sa-di và dưới Tỳ-kheo (Bồ-tát giới). Môn đồ của ngài đều thật hành Phương đẳng, cùng nhau khát thực tu hạnh tịnh Đầu-đà, ngày chỉ ăn một bữa, bên vệ đường. Bất luận nam hay nữ Ngài đều lễ bái, ý muốn tu theo hạnh của Bồ-tát thường Bất khinh trọng kinh Pháp Hoa. Vả lại một lý Niết-bàn muôn nẻo đến. Cũng như Đế Kinh là nơi tám hướng cùng theo về. Niết-bàn cũng vậy, là mười phương cùng hướng đến. Chỉ điều đường đi khó hay dễ, dài vòng hay thẳng mà thôi. mê thì hiểu rõ trở ngược thành mê lầm, còn nẻo đi của tâm tỉnh thì dù đường tối có thành có rõ. Do đó kinh nói: Chúng sinh chưa thành Phật thì Bồ-đề là phiền não, khi chúng sinh thành Phật thì phiền não là Bồ-đề. Con đường tín hạnh này cũng chỉ là một thuật của vạn nẻo. Chỉ vì người ưa thích cái đồng với mình mà ghét cái khác cho nên lúc đó lại chệch. Các lục này đều dẫn Chánh văn của các kinh luận, nhưng đề bên ngoài thì không chắc là chuẩn đích. Dù nói rằng Đối Căn Khởi Hạnh rất sâu kín, nhưng cái tiêu bản của chỉ thể đối với sự vật thì không sâu kín lắm! Xin các bậc Hiền minh Triết tương lai rõ cho, may mắn biết có căn cứ (năm Khai Hoàng thứ hai mươi vua sắc lệnh không cho lưu hành, chỉ dùng để tự răn mình).

- Chúng kinh Lục Mục, bảy quyển.

Một bộ bảy quyển trên, ngày năm Khai Hoàng thứ mười bốn do Sa-môn Thích Pháp Kinh cùng hai mươi vị Đại Đức châu chùa Đại hưng thiện tuân theo chiếu vua soạn ra. Sa-môn Thích Minh Mục ở Dương Hóa đã phân biệt rõ từng khu vực, từng dấu vết đầu mối. Sa-môn Ngạn Tông ở Nhật nghiêm, biên chép tỉ mỉ, khảo sát kỹ các chỗ dị đồng. Nên dâng biểu tâu tóm tắt rằng: Tính chung các kinh gồm có hai ngàn không

trăm năm mươi bảy bộ với năm ngàn ba trăm mười hai quyển. Tất cả có bảy pho: Sáu pho là Biệt Lục, một pho là Tổng Lục. Nhưng ngài Pháp Kinh... chưa thấy được hết các kinh bản của ba nước để nghiệm xét các chỗ dị đồng. Vả nay chỉ căn cứ ngày các Lục của hơn mười nhà mà tóm tắt những điều nên chắng. Tổng nêu hay cương kỷ chỉ căn cứ ngày chín Lục. Từ chín phần đầu ở sáu Lục mà phân biệt phẩm loại có bốn mươi hai phần. Sáu Lục chiếm hết ba mươi sáu phần, trình bày tóm tắt chỗ khác nhau của ba tạng Kinh Luật Đại và Tiểu thừa, nói rõ qua về sự sai biệt của phải trái, thiết giả các bản dịch. Còn ba Lục sau thì gồm Tập, Truyện, Ký, Chú. Về ba phần đầu đều do các Thánh hiền ở Tây Vực soạn ra, vì không phải là Tam tạng Chánh Kinh nên gọi là Biệt Lục. Còn ba phần sau là do các bậc Danh Đức ở phương này (TQ) đã sửa chữa. Dầu không phải là loại được viết ra ở Tây Vực, nhưng không có thứ nào không phải là chánh Kinh Tỳ Tán, làm sáng tỏ giáo tông, làm rạng rỡ giềng mối để dắt dẫn mở mang người sau. Nên phải ghi đủ.

- Tân Hợp Kim Quang Minh Kinh, tám quyển.

Một bộ tám quyển trên, do Sa-môn Thích Bảo Quý ở Đại hưng thiện tập hợp lại năm Khai Hoàng thứ bảy. Ngài Bảo Quý tức là Đạo An Thần Túc ở đời Chu. Xem chơi các sách thấy thuở xưa đời Tấn có Sa-môn Chi Mẫn Độ đã hợp cả năm bản dịch kinh Thủ-lăng-nghiêm đã được một trăm lẻ năm nhà diễn giảng của hai ngài Họ Chi và hai ngài họ Trúc thành một bộ tám quyển. Lại hợp ba bản dịch kinh Duy-ma của một ngài họ Chi và hai ngài họ Trúc làm thành một bộ năm quyển. Đời nay có Sa-môn Tăng Tự lại hợp bốn bản dịch kinh Đại Tập của hai ngài Vô Sấm, Chi-sấm và hai ngài La-thập, Da-xá thành một bộ sáu mươi quyển.

Về các kinh hợp lại này thì văn nghĩa rõ ràng đầy đủ. Đây là dấu vết của các bậc Tiên Triết để lại, nên ngài Bảo Quý nối theo lấy đó làm quy cũ. Nhưng Kim Quang Minh Kinh thấy có ba bản. Bản thứ nhất do ngài Đàm-vô-sấm dịch ra bốn quyển. Bản kế do ngài Quật-đa dịch ra năm quyển. Bản thứ ba là do ngài Chân Đế dịch ra bảy quyển. Trong bài tựa nói tóm rất rằng: Pháp sư Đàm-vô-sấm gọi là Kim Quang Minh Kinh, các Thiên và Phẩm đều thiếu sót. Mỗi khi tìm văn dò nghĩa thấy nói thuyết này có bằng cứ, nhưng khi ta xét lại thì không thấy ở đâu nên mãi mờ mịt. Vua Lương Võ Đế vì thương ba nẻo luân hồi, xót bốn loài trôi giạt nên chèo chiếc thuyền báu để cứu kẻ chết đuối, cầm cây đuốc huệ mà chiếu sáng người mê. Do đó ngày năm Đại Đồng vua sắc chỉ sai Trực Hậu, Trương Ký... đưa Phù Nam Hiến Sứ trở về nước, cùng thỉnh

### Danh Tăng và các Luận Đại Thừa, Kinh Tạp Hoa...

Nước ấy ứng thuận để ngài Tam tạng Pháp sư Ba-la-mạt-đà (Lương dịch là Chân Đế) người nước Ưu-thiền-ni thuộc Tây Thiên Trúc, cùng đem kinh luận kính dâng lên vua. Ngài Chân Đế Pháp sư đã đi khắp nước nên đến ở Phù Nam. Phong thái sáng suốt, thần trí tự tại. Các tạng bộ sâu kín ngài đều nghiên cứu kỹ. Năm Thái Thanh một lần đầu mới đến kinh ấp ngài được hưởng dẫn ngày nội điện bệ kiến, Võ Đế rạp mình đánh lễ, thỉnh diên ở Bảo Vân Vua muốn dịch kinh luận vì bọn giặc Yết cật thế núi sông hiểm trở. Nay sư chướng ngại của Đại pháp và quốc nạn lặng yên. Sa-môn Tăng Ấn lần đầu tiên được thừa hỏi. Pháp sư dịch kinh, kinh mục quả thật có thiếu sót. Tam Thân Phân Biệt, Nghiệp Chương Diệt Đà-la-ni, Tối Tịnh Địa, Y Không Mãn Nguyện... bốn phẩm hoàn toàn riêng khác thành bảy quyển. Nay trong số hai trăm sáu mươi bộ kinh mới đem về thì lại có hai phẩm Ngân Chủ Đà-la-ni và Chúc Lụy. Bèn mời Tam tạng Quật-đa dịch ra. Sa-môn Ngạn Tông xem đi xét lại kỹ càng. Cho nên nay ngài Bảo Quý chia làm tám quyển. Các phẩm bộ rớt ráo đầy đủ bắt đầu từ đấy. Về văn thì được gọi là kinh chúa, về nghĩa thì được khen là rất sâu mầu. Lời nguyện sâu sắc rõ ràng, kính vâng hộ trì.

- Thập Chứng Đại Thừa Luận, một quyển.

Một bộ một quyển trên, do Sa-môn Thích Tăng Xán soạn ra tại chùa Đại hưng thiện. Ngài Tăng Xán họ Tôn, người ở Trần Lưu, thuở nhỏ xuất gia, rất chuộng du học. Giang Hà từ Nam lên Bắc khắp nơi không nơi nào không tới, Quang Lũng từ Tây sang Đông khắp chốn đều có dấu chân. Đi khắp ba nước Tề, Trần, Chu, nơi nào có pháp tòa thì ngài đều có mặt, ra công học hỏi, khéo léo rộng tầm. Nay là khuôn mẫu đệ nhất về Đại thừa cho hai mươi lăm chúng, cho nên soạn ra luận này để khen ngợi ánh sáng Đại Thừa. Thập Chứng thì gồm có:

1. Không chướng ngại.
2. Bình đẳng.
3. Nghịch.
4. Thuận.
5. Tiếp.
6. Tỏa.
7. Mê.
8. Mộng.
9. Tương tức.
10. Trung đạo.



Tất cả đều dẫn kinh luận làm văn, chứng cứ rất mầu mực. Là phương tiện khéo léo giúp kẻ mới học đạo vậy.

- Luận Trường một bộ, ba mươi một quyển. Một bộ gồm ba mươi một quyển trên, do Sa-môn ở thành đô Thích Tăng Côn ở Đại hưng thiện sưu tập. Tăng Côn là đệ tử của ngài Thích Vong Danh họ Chu. Ngài họ Trịnh. Ngài tánh thâm trầm xét đoán, giỏi về âm thanh. Nay là Pháp chủ dạy và đọc kinh cho hai mươi lăm chúng, ngài sưu tập các kinh, so sánh các quyển bộ, chuẩn định các tạp luận có các thiên và quyển so le không đồng nhau. Ngài dẫn kinh nói rằng: Muốn biết rõ ý rộng của Bạc Trí thì nên xem thật nhiều các luận khác nhau. Do đó, phải sưu tầm góp nhặt các luận do những Thánh hiền từ xưa đến nay viết soạn họp lại thành một bộ gọi là “Luận Trường”. Cũng như ở cõi đời này, trên các Viên trường thì phải có đủ năm thứ trái, trăm thứ lúa thóc, trên Hý trường thì có đủ các thứ ca múa âm thanh, trên các Chiến trường thì có đủ các thứ mâu giáp binh khí, trên Đạo trường thì có đủ các thứ Phướng hoa bảo cái, mọi vật trang trí đẹp đẽ. Nay trong luận trường này thì cũng giống như các trường kia không thứ gì không có, một lần xem qua đủ cả trăm nhà, lợi mình, lợi người, vật và ta đều lợi ích.

- Đạt-ma Cấp-đa Truyện, bốn quyển.
- Thông Cực Luận, một quyển.
- Biện Giáo Luận, một quyển.
- Thông Học Luận, một quyển.
- Thiện Tài Đồng Tử Chư Tri Thức Lục, một quyển.
- Tân Dịch Kinh Tự Hợp Nhất, một quyển.

Cả sáu bộ gồm chín quyển trên do Sa-môn Thích Tông Ngạn soạn ra ở Nhật Nghiêm. Ngài họ Lý, là người ở Bách Nhân, Triệu quận, đời cho là dòng họ phú quý được khen là thế gia quý tộc Trẻ tuổi mà thông minh tài giỏi. Kiến thức sâu kín tình sáng như gương nước, gặp việc hiểu ngay không cần xem lại. Bộ Luận ấy cả ý lời đều sâu đẹp. Về thông suốt, thì luận phá bỏ các nhà Nho, không tin nhân quả mà câu nệ ngày các giáo tích, hiểu sinh dị đoan. Gốc của luận này nêu chỗ cao tốt của Phật lý. Về Biện giáo, thì Luận này làm sáng tỏ sách Phật, nói rõ về Chân Khổng Giáo thì dạy đời. Và Luận và Lão Tử giáo không khác tục Nho. Tất cả Kinh Linh quý thì không thuộc về Nho giáo. Về Thông Học thì Luận này khuyên người cùng thờ kính Phật - Khổng làm thầy, khiến trong ngoài đều rõ, Tục chân đều biết. Về Thiện tri thức thì luận này chính là đại nhân duyên, vượt Thánh siêu phàm. Nếu không nhờ tri thức thì không do đâu mà đạt đến được. Luận này khuyên mọi người

nên rộng kết bạn lành như ngài Thiện Tài Đồng tử vậy.

- Thuật Thích Đạo An Trí Độ Luận Giải, hai mươi bốn quyển (Ngài Đạo An tự viết tựa).

- Thương Học Luận, một quyển.
- Tôn Phế Luận, một quyển.
- Yểm Tu Luận, một quyển.

Cả bốn bộ gồm hai mươi bảy quyển trên, do Sa-môn Thích Huệ Ảnh ở Xá-vệ soạn ra. Ngài họ Giang, người ở Ba Tây, hiểu ý chỉ của ngài Trí Độ Luận sư Thích Đạo An ở đời Chu. Là người truyền Đăng nối pháp. Chỉ thuật lại mà không nói, rộng giảng Đại Thừa, cũng là bậc chủ của hai mươi lăm chúng. Ẩn mình nơi chốn thiền môn rộng truyền chí huệ Lưu, hiếm khi bước chân ngày cỗi tục, cho tình vượt thoát muôn loài. Luận bàn lời lẽ sắc bén, lý thú cao sâu. Xem ra luận việc hưng phế ý đã rõ ràng. Về “Thương Học Luận”, vì muốn trừ tội Báng Pháp nên viết “Luận Tôn Phế”, để đề phòng việc gian tà nên nói “Luận Yểm Tu”, khiến người sửa lỗi và trở về với đạo vậy.

- Chiêm-sát Kinh, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên thì kiểm tra các lục không thấy ghi, mà ở đầu kinh ghi rằng: Ngài Bồ-đề Đãng ở ngoại quốc dịch. Hình như do đời gần đây dịch ra rồi ghi chú càng. Nay trong các Tạng đều viết lại để lưu truyền. Nhưng ở Quảng châu có một vị Tăng pháp sám pháp, dùng da để làm hai cái thiệp bói, một cái viết chữ “Thiện”, một cái viết chữ “Ác”, rồi bảo với người gieo xuống. Nếu được cái chữ Thiện là tốt, nếu được cái chữ Ác là xấu. Lại làm theo “Phép Tự Đánh” để diệt tội, nhưng nam nữ đều lẫn lộn. Ở Thanh châu cũng có một cư sĩ cùng làm pháp này. Năm Khai Hoàng thứ mười ba có người bảo Quan Ty ở Quảng châu rằng: “đó là việc yêu quái”. Quan Ty theo hỏi, người ấy dẫn chứng rằng: Thập Sám Pháp là dựa theo Chiêm-sát Kinh, còn phép tự đánh là dựa theo phép “Ngũ thể đầu địa như Thái Sơn băng” trong các kinh. Quan Tư Mã Quách Nghị ở Quảng châu về kinh đô đến Kỳ Châu tâu lên vua tất cả mọi việc nghe thấy. Vua ra lệnh “không nên tin đạo lý của Chiêm-sát Kinh”. Lại sai Nội sử thị lang Lý Nguyên Tháo cùng Quách Nghị đến chùa Bảo xướng hỏi các Đại Đức Pháp Kinh... được đáp rằng: Chiêm-sát Kinh không có tên trong Mục Lục và nơi dịch còn thập sám pháp so với các kinh lại rất trái khác không thể làm theo. Vua bèn sắc lệnh: “Các sách như loại ấy không được lưu hành”. Về sau có vị Bà-la-môn đến bảo rằng: Ở Thiên Trúc thấy có kinh ấy, dịch ra tên là Lục Căn Tự.

- Tinh Dịch Truyện, mười quyển. Một bộ mười quyển trên, do Tú tài nho lâm lang hầu Quân Tố ở Tương châu vâng chiếu vua soạn ra.

- Thông Mạng Luận, hai quyển.

Một bộ hai quyển trên, do Tế Tửu Từ Đồng Khanh o83 tấn vương phủ soạn ra. Đồng Khanh cho rằng Nho Giáo cũng có cái nghĩa về nhân quả ba đời, nhưng vì văn quá sâu kín lý quá sâu xa, nên các bậc Thánh hiền thời trước không thể nêu rõ lập trường. Nay Đồng Khanh dẫn đủ Chánh văn các kinh sử, hiểu rõ vận mạng quy về nhân quả. Ý của ông là muốn làm sáng tỏ Chỉ Tông của Nho giáo để giúp giảng bày Phật pháp, hầu hướng dẫn mọi hạng người cùng đi một đường. Đây là chỉ có bậc hiểu rộng mới thông suốt sự sâu kín này.

- Ngoại Nội Bàn Thông Tỷ Giáo Số Pháp, một quyển.

Một bộ một quyển trên do học sĩ Phiên kinh kinh dương Lưu Phùng soạn ra. Ông rất giỏi về Số thuật cả Nội Ngoại học. Vì mỗi khi dùng thuật pháp về toán số tỷ giáo các Kinh dịch ở đời trước thường thấy không giống nhau, nên soạn ra quyển này để diễn giảng. Trong bài Tựa nói tóm tắt rằng: Đạo Nghệ ở đời có cao, có sâu, việc học tập và nắm chất của người có thưa có nhật, nên muốn dụng toán thuật, thì phải gồm cả pháp Đại Diễn nếu không nghĩ đến thì lầm đến ba góc kia.

Song ở Hoa Hạ (Trung Quốc) thì số pháp có ba bậc khác nhau, còn các sự trình bày ở Thiên Trúc đâu không khác với kiểu này? Nhưng các Kinh dịch trước đều lấy đại thiên gọi là trăm ức, nói một do-tuần bằng bốn mươi dặm, nếu căn cứ ngày các tính toán đó thì đều không hợp nhau. Thiết nghĩ rằng vì khi phiên dịch thì tiếng nước này với nước kia có khác, mức độ đo lường do đó chẳng giống nhau. Cho nên ghi rõ phép toán số của các kinh rồi đem so sánh nhau với các số ở Hoa Hạ thì các số mười nhân mười (10 x 10) biến đổi với nhau rất chính xác. Ngõ hầu lần sau khi phiên dịch sẽ lấy đó mà biện biệt được lầm lẫn. Đã xem kỹ các lời trong kinh ấy nên ghi chú ngày đây.

- Chúng Kinh Pháp Thí, mười quyển.

Một bộ mười quyển trên, ngày năm Khai Hoàng thứ mười lăm, vua sắc lệnh cho Hữu Ty soạn ra. Vả chẳng ân đức của vua thấm nhuần khắp chốn đất dẫn muôn loài, không phân biệt Phật hay Nho. Và Hán hay Phạm chung một lời văn, người Hoa kẻ rợ hiểu rõ phong tục có khác. Tuy rằng y phục Sa-môn không phải là y phục Hoa Hạ, người là người Hoa, nhưng Phật Tổ Từ bi quán chiếu trước về thời đại xa xôi dạy Giảng pháp răn cấm để giúp nước dạy dân. Dân không thể tự trị yên nên trời trao quyền cho vua sáng. Vua lo nghĩ việc chánh hóa để cứu giúp

mọi người. Dầu cách Phật đã lâu, vẫn khắc sâu lời ủy thác. Do đó mà phẩm Hộ Pháp trong phần Nhật Tạng của Đại Tập Kinh, Phật bảo vua Tần-bà-ta-la rằng: Này Đại Vương, vua chúa quý vị ở trong đời hiện tại cho đến đời vị lai, ngay cả trong đời Pháp Trụ này, trong khoảng thời gian này tất cả Phật pháp đều giao phó cho quý vị, tất cả vua chúa đều nên ủng hộ thật tốt. Nếu ai ủng hộ thì tức là vị thí chủ lớn của tất cả chư Phật ba đời, vì có thể giữ gìn được chánh pháp của chư Phật ba đời. Người này khi mạng chung sẽ sinh về cõi nước Vì nếu được ủng hộ thì có thể khiến Tam bảo tồn tại lâu không mất, nếu không ủng hộ thì Pháp ta liền diệt. Nếu pháp Phật ở đời thì hay khiến trời người đông đảo thêm ra, còn các ác đạo sẽ giảm bớt”. Do đó thế giới thành hoại cần yếu là do chư Phật, còn Thánh giáo mà thịnh suy ắt là bởi các Đế vương. Nên Thích Luận có nói: “Quả báo của chúng sinh là do Bồ-tát mà có”. Kinh Thánh Vương bảo rằng: “Nếu Phật Như Lai không xuất hiện ra đời thì tất cả chúng sinh phải chịu khổ lớn, vì chỉ ở ác thú mà không thể trở lại được thiện đạo”. Nhưng khi nghe được tiếng “ba đường dữ rất khổ”, tất biết là thế gian đã gặp được vua tốt, luôn nghe câu Phật pháp là khó nghĩ bàn”. Lại trong kinh Đức Hộ Trưởng Giả Kinh, Đức Như Lai có thọ ký rằng: “Đồng Nguyệt Quang Tử ở đời vị lai trong thời mạt pháp, châu nước Chi-na trong cõi Diêm-phù-đề, làm Đại Quốc Vương tên là Đại Hạnh. Vua ấy sẽ khiến tất cả chúng sinh sống trong nước Chi-na ở trong Phật Pháp gieo trồng các thiện căn”. Chấn Đán, Chi-na chỉ là tiếng Phạm gọi Sở Hạ đây mà thôi.

Đây gọi là “Mạt”, tức là chánh pháp đã diệt cách Phật xa dần, gọi chung là mạt pháp. Tính ra khi Phật diệt độ đến nay mới được một ngàn một trăm chín mươi lăm năm. Căn cứ theo kinh Phật Bản Hạnh thì thời chánh pháp có năm trăm năm, thời tượng pháp là một ngàn năm, vậy nay đang là thời tượng mạt. Còn căn cứ theo luật Thiện Kiến thì chánh pháp, tượng pháp đều trụ ở đời là một ngàn năm, vậy nay là đầu thời tượng pháp. Đã nêu đủ các kinh luật, nhanh chậm theo duyên mới có thể tiếp nối thời kỳ đầu (chánh tượng pháp) đâu lẽ chỉ căn cứ ngày thời cuối (mạt pháp)? Bởi xưa, lúc ngụy Thái Võ dẹp bỏ pháp, chỉ kịp ngăn mấy Châu Kinh Tương khỏi bị tiêu mất. Gần đây, gặp thời Kiến Đức, Chu Võ Vương hủy diệt, đã phá tượng, đốt kinh, đuổi Tăng, hủy Tháp và diệt sạch hết các Thánh tích. Tất cả bảo sát, Già-lam đều thành nhà riêng. Sa-môn dòng thích đều mặc áo thế tục, trải suốt mười năm không biết Tam bảo là gì. Vậy đương lúc bị hủy diệt này tức là mạt pháp. Do đó mà người, quỷ sầu thương, trời thần buồn thảm, vì khi huệ nhật đã

tất thì muôn loài đều sống giữa ngày đen. Nay trời phó cho vua ta trị vì được ức triệu người quy phục, đức hóa khắp vạn bang. Chánh trị phù hợp, luật lệ thích nghi, hình phạt giảm bớt, sưu thuế nhẹ giảm lính bớt phục dịch, hai mươi nhà để cử một đình, hai giường chỉ thu một xấp, tất cả già trẻ đều vui hưởng thái bình. Khi trời đất đã trong sáng rộng lớn thì Tam bảo liền được phục hưng. Tháng hai năm Khai Hoàng thứ nhất, kinh đô và thành ấp xóm làng ở các châu đều dựng ngày, đến tháng ba nhuận vua liền hạ chiếu rằng: “Các khanh, pháp không có trong ngoài, muôn thiện cùng về một chỗ, giáo có cạn sâu, chỉ là khác đường mà cùng đến. Nay trẫm, nép mình kính đạo, ý thích thanh tịnh, dưới năm ngọn núi cao danh tiếng đều xây mỗi nơi một chùa Phật”. Đến tháng bảy lại ban chiếu rằng: “Này các khanh, cây bị gió không yên, ảnh qua lỗ như nước chảy. Phật không cần lòng báo đáp, đệ tử vẫn mến mộ trọn đời. Kính noi gương Thái tổ Võ Nguyên Hoàng Đế, Thần Thánh tốt cùng, nên trời cao linh cảm, giao cho trẫm làm chủ thiên hạ để mở giềng mối thanh Đức. Họ Ngụy sắp bỏ việc Kinh Luân, nhà Chu bỗng đồng lòng giúp sức. giữa hai nhà trên, trẫm tạo cơ đồ đế vương, chứa nhóm Công Đức dành Phước cho con cháu. Khiến trẫm dù kém cõi, làm vua chỉ một khu nhỏ hẹp, nhưng luôn kính mộ đạo sáng, ngẫm thờ Chân Tịch, giáng sinh xuống đất quyền biến bất thường, dùng binh Luân Vương triển khai Nhân Ái bách chiến bách thắng trong việc tu Thập Thiện. Cho nên dùng đồ đánh trận bằng các loại hương hoa ở đồng cỏ thên thang từ lâu đã thành cõi Tịnh độ. Lòng luôn nghĩ đến chùa tháp xa xưa hay mới cất để tăng trưởng phước nhân, xứng hợp phần nào với ý chỉ sâu kín. Xưa Nhà Hạ nhân trị thủy mà khắc bài minh trên núi, nhà Châu tuần du nhân đó đục đá làm bia. Các ghi chép việc Đế Vương đến nay vẫn còn vậy. Thế nên ở Tương Dương, Tùy Quận, Giang Lăng, Tấn Dương mỗi nơi đều dựng một ngôi chùa, lập bia ghi công đức. Ngõ hầu khiến trang nghiêm chùa viên sán như hư không chẳng hoại. Nếu bày quả tốt, ngang bằng trời đất nên lâu dài. Do đó mỗi năm đến ngày Quốc kỵ thì bỏ sự việc mà thiết trai tạo tượng, hành đạo, giữ bát quan trai, sám hối, phụng cúng Thần linh.

Đến tháng tám vua lại ra chiếu rằng: Này các khanh, năm xưa đạo của nhà Chu đã suy nên bọn hung đồ đua nhau nổi dậy, đất Nghiệp Thành là đầu mối của tai họa hoặc bức hiếp kẻ lương thiện, hoặc bọn ác giúp nhau. Lời khuyến thiện rung động lòng người càng thấm sâu. Hằng nhớ quân sinh lâm cảnh khổ binh đao. Lòng nghĩ đến đạo cả mà dấy nghiệp độ thoát. Vật và ta thấy đồng nhau, Trí với Ngu đều

thương xót. Ta nghĩ tu tạo phước điền thì Thần linh ra công phù trợ. Ngõ hầu mong quan đạo phủ tạng trưởng Bồ-đề, và bọn côn đồ từ bóng tối trở về với ánh sáng, cùng nghiên cứu Khổ Không mà dứt trừ sinh tử. xem loài Kinh ngư hóa thành đài vi diệu, loài rồng rắn hoang dã luôn là gương sáng pha lê, vô biên loài hữu tình đều “vào hết pháp môn”. Do đó ở chiến địa Tương Châu có thể lập một cảnh Già-lam, dựng bia ghi sự việc. Lại dân phạm pháp hoặc kẻ bị tử hình thì bắt lập thành các trại ăn chay”.

Phòng tôi xin thưa rằng: Hễ có quốc gia thì có chinh phạt, cái họa này có từ thượng cổ, nhưng chưa hề nghe thấy ở chiến trường mà xây dựng chùa chiền, đối với quan đạo phủ tạng tạo phước nghiệp. Khi phải hành quyết một tội nhân thì đợi mười lần tấu biểu mới cho thi hành. Đó nếu không phải là bậc Đại Sĩ (Bồ-tát) ứng sinh, mượn Kim Luân để giáng xuống cứu độ loài Hàm thức đang trên bờ chết chóc, khiến mọi người được yên giữa chốn lẫm nhương này thì còn ai đó nữa? Sở dĩ ban bố khắp thiên hạ nối nhau làm thiện vì còn e phong hóa suy đồi khiến lê dân phạm tội bị trừng trị mà không chịu sửa đổi.

Năm Khai Hoàng thứ ba, vua giáng chỉ rằng: Hiếu sinh ghét giết hại là gốc chính sự của vua. Lời Phật dạy làm Thiện nghiệp hãy lấy làm bằng. Bẩm khí của loài Hàm Linh đều xem mạng sống làm trọng, nên phải khuyến khích mọi người đồng tâm cứu hộ. Tại Kinh Thành và ở các Châu, nơi nào có chùa do quan xây dựng thì mỗi năm ngày các tháng một, năm, chín, luôn luôn bắt đầu từ ngày mùng tám đến ngày rằm, phải châu chùa mà hành đạo. Ngày hành đạo thì tất cả dân chúng xa gần, phạm loại có mạng sống đều không được giết hại.

Đến năm Khai Hoàng thứ tư, vua lại ra sắc chỉ: Thời Chu Võ đã hủy diệt Phật pháp. Tất cả các hình tượng đều bị phá bỏ, hiệu lệnh ra một thì hủy diệt gấp nhiều lần. Về các vật bằng vàng đồng, dầu hiện là của quan, nếu thấy còn thì phải đem để ngày chùa ở nơi gần đó, không được vận chuyển gây hư hại. Lúc đó các tượng bằng gỗ đá bị đem dùng riêng, nếu Hữu Ty lưu ý biết được thì lấy về bảo quản yên ổn, ở công, nếu nhà riêng thì bảo đốn rước cúng dường. Sở dĩ phải để tâm chú ý như thế là vì kính trọng phước đức, những lời ban bố ra đều khéo khuyến dụ.

Đến năm Khai Hoàng thứ mười một, vua lại ban chiếu rằng: Nay các Khanh, Như Lai lập giáo, nghĩa luôn Bình đẳng, Bồ-tát dụng tâm vốn không sai khác cho nên hay dùng nhiều loại bến, cầu mà cứu độ quần sinh. Nay Trẫm ở ngôi vua, nối tiếp làm hưng thịnh Tam bảo, lời

luôn chí lý, rộng mở Đại thừa, các Pháp thông suốt, thế không có ta và người hưởng là Phước nghiệp lại có công tư? Từ nay về sau phạm khi gây tạo các Công Đức thì mọi vật trong nước đều hợp chung lại mà làm, tùy theo ý nguyện chỗ nên phân biệt. Vì tất cả pháp môn đồng về chỗ “Không hai”, mười phương thế giới cùng đến Bồ-đề, mà ngày lại tháng qua việc tạo mới sẽ dần dần càng rộng lớn. Nhưng chỉ nhớ những việc trước đã qua, và sửa những lời xưa chưa trọn vẹn. Nay xin thay các loài hàm thức để Sám hối. Hôm nay ngày tám tháng hai năm Khai Hoàng thứ mười ba, con đệ tử Phật tên họ... là Hoàng đế nhà Tùy. Kính bạch:

- Thập Phương Tận Hư Không Biến Pháp Giới Nhất Thiết Chư Phật, Nhất Thiết Chư Pháp, Nhất Thiết Chư Đại Hiền Thánh Tăng. Ngưỡng mong Như Lai Từ bi thương xót hoàng đạo dạy bảo cứu giúp tất cả hàm linh thoát khỏi trần cảnh, dứt hết nguồn tà ác, mở đường thiện nhân, từ Triều đình ra đến thôn dã tất cả đều được nương nhờ. Riêng về đời Chu gây loạn, luôn hối tiếc việc khi dễ Thánh tích, phá tan chùa tháp, đập bỏ kinh tượng bất kể người Hoa kẻ Di tất cả đều quét sạch. Đến nỗi người Ngu không ai dắt dẫn khỏi tối tăm, Bạc Trí không do đâu tìm ra Linh Tánh. Đệ tử trước đã nhờ nhân duyên Tam bảo, nay tuân theo vận nước sáng ngàn năm, mà làm cha mẹ muôn dân, rữ ân khắp lê thứ, làm sáng rõ lại tôn dung sùng kính Thần hóa. Những chùa tháp bị phá bỏ được trùng tu, tượng hư kinh rách được tô soạn lại. Tuy thành tâm khẩn thiết vẫn e chưa trọn. Cho nên lại càng cần cầu khiến được sáng tỏ. Nhưng nhiều năm trầm trệ, còn lắm hư hao... Các việc như thế chính do đệ tử. Nay xin đối trước Tam bảo chí tâm phát lồ sám hối. Việc nhà Chu hủy diệt Phật pháp, từ trên xuống dưới, hoặc lấy phép công mà cấm đoán hoặc vì ý riêng mà khiến hủy tượng đốt kinh, khinh Tăng phá chùa, những người như thế tội rất nặng sâu, nay đối trước Tam bảo con vì tất cả mà phát lồ sám hối và nguyện kính làm tất cả. Để tu bỏ các kinh Tượng bị phá bỏ, con quyên kính mười hai vạn xấp lụa, hoàng hậu cũng kính quyên mười hai vạn xấp, hàng Vương Công trở xuống cho đến khắp lê dân, lại có người kính thí một trăm vạn tiền. Cúi mong tất cả chư Phật, tất cả chư Pháp, tất cả chư đại Hiền Thánh, Tăng hoan hỷ chứng minh, nhận sự sám hối của Đệ tử...”

Lúc bấy giờ từ Chủ Tướng ở triều đình, các quan liêu Tỉnh phủ, Tăng Ni các chùa, Tá Sứ Huyện Châu, cùng các bậc Túc Lão ở kinh thành đều đốc thúc khuyến nhau. Ngày hôm sau thiết lễ Trai kính mừng kinh tượng. Mỗi ngày có mười vạn người từ các chùa chiền, nhà riêng

hoặc do vua quan sai bảo, đều dùng nước thơm tắm rửa tất cả hình tượng...

Đến năm Khai Hoàng thứ mười lăm, vì các Tăng Ni có lúc bị lỗi lầm, không gìn giữ nội luật Phật dạy mà sống giống người thế tục. Vua bèn sắc lệnh cho Quan Hữu Ty căn cứ ngày Chánh văn các kinh Đại tiểu thừa những chỗ có lời cấm đoán Sa-môn... đều khiến lục soạn ra hết, mỗi việc đều riêng biệt, kể cả tên và đề mục của kinh bản, làm thành mười quyển này để giúp hướng dẫn kẻ xuất gia. Đây thật là hạnh lớn của bậc quốc vương Bồ-tát, quyết ý ân cần nhận lời di chúc của Phật mà thương xót muôn dân, sợ họ bị đắm chìm trong ba đường dữ, lòng từ phủ khắp giáo hóa muôn loài không sót. Ngày tháng năm năm này có một bầy nai đến trước cửa Cung Nhân Thọ. Tuân theo chiếu chỉ sáng suốt của vua, đã dắt đuổi chúng về chốn sơn tẩu, bách quan đều dâng biểu chúc mừng.

Đến tháng sáu vua ban chiếu rằng: Đang lúc trăm lâm triều nghe chính sự thì có bầy tuần lộc đến dạo chơi, đi quanh quần nhiều lần trước cửa Cung, ép chúng đến sát bên người, chúng vẫn an nhiên không sợ. Chỉ vì bao nhiêu năm tháng loạn ly, mà giáo pháp Thánh nhân bỏ hết không tuân hành, quen sống theo thói tục chuyên việc giết hại. Từ khi Trẫm nhận lệnh trời võ về trăm họ, luôn tuân hành Thánh giáo, thích việc hiếu sinh, bởi do các Vương công đều hết lòng giúp trẫm cùng tuyên bày Thánh pháp. Do đó mà các loài hươu nai sơn dã cùng rủ nhau về. Từ quan quân cho đến mọi người, Trẫm hết lòng thành dạy bảo, dân tục từ nay thuần nhã, người khắp mọi nhà đều là quân tử. Nên luôn giữ tâm ngày việc nhân thiện, nên mới có điềm lành này...”

Phòng tôi xin thưa rằng: Phàm cửa cung nghiêm cấm, hộ vệ canh giữ cẩn mật, người đi đường ở xa nhìn ngày vẫn còn run sợ. Vậy mà loài hươu nai sơn dã dám đến gần không sợ sệt, thật quý đẹp tha! Ấy đâu phải sự giáo hóa chỉ có thấm nhuần đến đầm cỏ và loài côn trùng mà thôi ư?. Phàm loài hươu nai khi thấy bóng cây lay động còn vểnh tai nghe ngóng sợ sệt, huống là thấy cả gậy gộc gươm giáo và người mà không sợ? Cho nên điềm Thánh giáo sắp tỏ sáng, trước đã khiến loài dã thú tâm được an ổn vậy thôi. Trong Đại Trí Luận có nói: “Người không có tâm giết hại chúng sinh đều đến nương tựa”. Kinh Niết-bàn nói: bấy giờ có một thợ săn đuổi bắt một chim bồ câu. Chim câu này sợ quá bay đến núp dưới bóng ngài Xá-lợi-phất, nhưng vẫn còn run bầy bầy. Đến khi núp dưới bóng Đức Như Lai thì thân tâm an ổn, hết sợ sệt run rẩy. Đây thì cửa cung nhân thọ ví đồng với bóng Đức Phật.



Trong kinh Đại Phẩm nói: Đức Phật nói Bát-nhã thì người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được. Đây thì khắp núi Thái sơn ví đồng Bát-nhã. Thắng Thiên Vương Kinh nói rằng: Khi có Chuyển luân Thánh vương ra đời thì thường thấy được bảy báu. Núi Lam điền ngày xưa thường khen là nơi sản sinh ra mộtNgọc, nhưng đời gần đây thì dứt mất, không thấy nghe sách sử nào ghi chép. Nhưng từ năm Khai Hoàng đến nay thì ngọc tìm thấy được rất nhiều. Loại chùa Thái phủ là Vực báu trong nước, hơn hai mươi hòn đá neo thuyền đều biến thành ngọc. Núi Nhân thọ là thần linh của nước, đá trong núi ấy lại biến thành ngọc vì đất không ưa của báu. Đây thời đồng với Tướng của Luân vương. Nhưng Yến Tử có nói: Cây quít mà sinh ra một ở Giang Bắc thì hóa thành cây chỉ Nay, phát động Trường an, đốc thúc trồng cây quít, bởi do nơi này không có hoa cỏ, cây thuốc Những việc xưa người khó gọi khó ghi thì nay đều tự hình thành. Các điềm linh hiển tốt đẹp này đều có chương biểu tâu dâng đầy đủ cả. Các sự việc nêu trên đều ghi chép đủ trong Tả hữu sử. Nay xin tóm tắt trình bày rõ ràng để làm sáng tỏ việc phước đức ứng hiện, ngõ hầu những người con Phật phụng thờ giáo pháp, cảm đội ân quân vương Tử bi nuôi dạy.